

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2023/HS-ST
Ngày 25 tháng 4 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Hảo và ông Phạm Phước Cường.

Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Quốc Đạt, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Bé Thu, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Văn M, sinh năm 2004, nơi sinh: K - An Giang; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: tổ 18, khóm VP, phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: thợ sơn cửa sắt; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1982 và bà Dương Thị Cẩm T, sinh năm 1986; anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ nhất; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị hại: Võ Văn C, sinh năm 1985, nơi cư trú: Tổ 18, khóm VP, phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trần Ngọc G, sinh năm 2012; nơi cư trú: Tổ 18, khóm VP, phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Đại diện theo pháp luật của Trần Ngọc G: Lê Ngọc T, sinh năm 1989, nơi cư trú: Tổ 18, khóm VP, phường NS, thành phố K, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người làm chứng: Lê Ngọc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/7/2022, Trần Văn M đến nhà Lê Ngọc T (dì ruột M), tổ 08, khóm VP, phường NS, thành phố K, chơi với Trần Ngọc G (sinh ngày 21/12/2012, con ruột T). Nghe M nói cần tiền lấy điện thoại đang sửa, G cho M mượn 500.000 đồng. Ngày 30/7/2022, M đến nhà T, thấy G ở nhà một mình, M tiếp tục hỏi mượn G thêm 1.000.000 đồng. Do biết Võ Văn C (cha kế của G) có để tiền ông heo tiết kiệm, G vào phòng ngủ của C, mở tủ quần áo lấy ông heo tiết kiệm của C, gỡ miếng giấy dán bít lỗ tròn, đường kính 04 cm, có sẵn dưới bụng ông heo, lấy 1.400.000 đồng; G đưa M mượn 1.000.000 đồng, 400.000 đồng còn lại G cất giữ tiêu xài. Xong, G dán miếng giấy, để ông heo lại vị trí cũ. Ngày 01/8/2022, M đến nhà T, thấy cửa nhà, cửa phòng không khóa, không người trông giữ, M lấy trộm 3.200.000 đồng trong ông heo tiết kiệm của C, mang về nhà cất giấu. Khoảng 08 giờ ngày 03/8/2022, M tiếp tục đến nhà T, lấy trộm 2.500.000 đồng trong ông heo tiết kiệm của C, mang về nhà cất giấu. Đến khoảng 11 giờ ngày 04/8/2022, C kiểm tra ông heo tiết kiệm, phát hiện mất 10.000.000 đồng nên trình báo Cơ quan Công an. Mời làm việc, M thừa nhận lấy trộm, giao nộp số tiền lấy trộm. Riêng G, khai nhận đã nhiều lần lấy trộm tiền trong ông heo tiết kiệm của C, mỗi lần từ 200.000 đồng đến 1.400.000 đồng, tổng cộng 4.300.000 đồng; trong đó, 02 lần cho M mượn tiền, tổng cộng 1.500.000 đồng; số tiền còn lại dùng mua đồ chơi trẻ em; T đã giao nộp thay G số tiền lấy trộm.

Vật chứng thu giữ: 01 áo thun ngắn tay đen, ngực áo có chữ SAVAGE; 01 quần jean dài, xanh trắng, hiệu TCS; 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh Trần Văn M lấy trộm tiền ngày 03/8/2022.

Cơ quan C sát điều tra – Công an thành phố K ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Văn M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKS-CD ngày 10 tháng 3 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Trần Văn M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận hành vi của mình như nội dung cáo trạng công bố. Bị cáo thống nhất với các ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, để sớm quay về hòa nhập xã hội, chăm lo gia đình.

Chủ tọa công bố lời khai của bị hại Võ Văn C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc G; đại diện theo pháp luật của Trần Ngọc G là Lê Ngọc T và người làm chứng Lê Ngọc T.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện giao nộp số tiền lấy trộm khắc phục một phần hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo thuộc thành phần lao động, học lực thấp là các tình tiết trên được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 áo thun ngắn tay đen, ngực áo có chữ SAVAGE; 01 quần jean dài, xanh trắng, hiệu TCS không còn giá trị sử dụng; tiếp tục lưu giữ 01 đĩa DVD ghi lại hình ảnh Trần Văn M lấy trộm tiền ngày 03/8/2022 trong hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Võ Văn C không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Trường hợp, Trần Ngọc G (sinh ngày 21/12/2012), đã có hành vi trộm cắp của Võ Văn C số tiền 4.300.000 đồng nhưng G chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (dưới 14 tuổi) nên Cơ quan điều tra chuyển hình thức xử lý bằng biện pháp khác, công khai giáo dục tại phiên tòa là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan C sát điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không

có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại gì đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả tội phạm gây ra cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ kết luận: Ngày 01/8/2022, M đến nhà T lấy trộm 3.200.000 đồng trong ống heo tiết kiệm của C. Ngày 03/8/2022, M tiếp tục đến nhà T, lấy trộm 2.500.000 đồng trong ống heo tiết kiệm của C. Từ các căn cứ trên có cơ sở xác định, bị cáo Trần Văn M đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bị hại Võ Văn C 02 (hai) lần với tổng số tiền 5.700.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lén lút chiếm đoạt tài sản (tiền) của công dân giá trị trên 2.000.000 đồng nhưng chưa đến 50.000.000 đồng với lỗi cố ý trực tiếp vì động cơ tư lợi, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đối với bị cáo tại phiên tòa về tội danh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật, đúng với chủ trương của nhà nước trong việc phòng chống tội phạm nhất là tội trộm cắp tài sản đang xảy ra ở địa phương ngày càng một gia tăng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người đang ở độ tuổi lao động. Đáng lẽ, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo trộm cắp tài sản (tiền) của người khác. Hành

vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện giao nộp số tiền lấy trộm khắc phục một phần hậu quả, bị hại có đơn không yêu cầu xử lý hình sự, bị cáo thuộc thành phần lao động, học lực thấp là các tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 như theo quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát.

Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội bị cáo mới 18 tuổi 07 tháng (giai đoạn đầu của độ tuổi trưởng thành); bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội; cuộc sống tự lập từ nhỏ thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục của gia đình. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình nhằm giúp cho bị cáo có cơ hội sửa chữa, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản người khác là trái pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 áo thun ngắn tay đen, ngực áo có chữ SAVAGE; 01 quần jean dài, xanh trắng, hiệu TCS là trang phục khi phạm tội, xét tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) đĩa DVD, lưu dữ liệu đoạn clip ghi hình ảnh bị cáo Trần Văn M lấy trộm tài sản của bị hại Võ Văn C, xét tiếp tục lưu giữ.

[8] Về trách nhiệm dân sự, bị hại Võ Văn C không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không đề cập xem xét.

[9] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Trần Ngọc G (sinh ngày 21/12/2012), đã có hành vi trộm cắp 4.300.000 đồng của Võ Văn C, G chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự (dưới 14 tuổi); Cơ quan điều tra chuyển xử lý bằng biện pháp khác và công khai giáo dục tại phiên tòa là phù hợp.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội "*Trộm cắp tài sản*";

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn M 09 (chín) tháng tù;

Thời hạn chấp hành án của bị cáo được tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ Điều 46, 47, Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 áo thun ngắn tay đen, ngực áo có chữ SAVAGE; 01 quần jean dài, xanh trắng, hiệu TCS.

Tiếp tục lưu giữ 01 (một) đĩa DVD, lưu dữ liệu đoạn clip ghi hình ảnh bị cáo Trần Văn M lấy trộm tài sản của bị hại Võ Văn C.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/3/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Trần Văn M phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát TP. K;
- Nhà Tạm giữ TP. K;
- Thi hành án DS TP. K;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Lê Ngọc Tiên**